

Bản án số: 02 /2018/DS-ST

Ngày: 24 – 04 - 2018

V/v: Tranh chấp Hợp đồng

sử dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi** và bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên

Ngày 24/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án án dân sự sơ thẩm thụ lý số 49/2017/TLST-DS ngày 20/11/2017 về “Tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01 /2018/QĐST - DS ngày 20/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TT (tên viết tắt SC Bank). Địa chỉ: quận X, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh H.** Ông H có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn T**, sinh năm 1981. ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn K, xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai, tại phiên hòa giải - Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, ông H trình bày:

Ngày 30/11/2010, Ngân hàng TMCP TT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng SC Bank) ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi tắt là hợp đồng thẻ tín dụng) thể hiện tại: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, Điều kiện phát

hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, với các thỏa thuận sau: Hạn mức sử dụng 30.000.000đồng; mục đích cấp hạn mức: Tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ hạn mức, anh T đã thực hiện các giao dịch rút tiền thông qua thẻ tín dụng tổng số tiền 33.990.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã thanh toán trả Ngân hàng tổng số tiền 26.200.000đồng. Do anh T không thanh toán hết số tiền còn nợ nên Ngân hàng đã nhắc nhở, đôn đốc anh T trả nợ, nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ đầy đủ. Từ ngày 16/05/2012, Ngân hàngSC Bank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 19/03/2018, anh T còn nợ Ngân hàngSC Bank tổng số tiền là 63.019.405 đồng, trong đó: Nợ gốc 19.131.561 đồng; lãi phát sinh 43.887.844 đồng. Ngân hàngSC Bank đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả toàn bộ số tiền gốc, lãi trên và anh T còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng thẻ tín dụng kể từ ngày 20/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Bị đơn – anh T trình bày: Anh có ký Hợp đồng thẻ tín dụng và đã thực hiện giao dịch bằng thẻ với Ngân hàngSC Bank trên cơ sở tự nguyện. Anh xác nhận đã sử dụng thẻ rút tiền một số lần, rút mấy lần và bao nhiêu tiền thì anh không nhớ, nhưng anh nhớ chính xác đã thanh toán trả 26.200.000 đồng. Số tiền đã thanh toán này, Ngân hàngSC Bank tính vào gốc, lãi, phí như thế nào thì anh không biết. Nay Ngân hàngSC Bank xác định anh phải trả tổng số tiền là 63.019.405 đồng, trong đó: Nợ gốc 19.131.561 đồng, lãi phát sinh 43.887.844 đồng, thì anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết; anh không đến Tòa án hòa giải với nguyên đơn và xin giải quyết vắng mặt.

*** Tại phiên tòa:**

- **Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu anh T phải trả nợ **tạm tính đến ngày 24/4/2018 là 63.740.143 đồng**, trong đó: Gốc **19.131.561 đồng**, lãi **44.608.582 đồng** và anh T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận, kể từ ngày 25/4/2018 đến khi thi hành xong các khoản nợ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm:**

Về tố tụng: Thư ký Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Nguyên đơn đã chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã có bản tự khai, có ý kiến trình bày tại “Biên bản lấy lời khai” nhưng không đến Tòa để tham gia tố tụng là không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàngSC Bank: Buộc anh T phải trả nợ cho Ngân hàngSC Bank là **63.740.143** đồng, trong đó: Gốc **19.131.561** đồng, lãi **44.608.582** đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn K, xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về áp dụng luật nội dung: Thời điểm giao kết Hợp đồng thế tín dụng ngày 31/10/2010, nên cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết tranh chấp.

[1.3]. Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh T đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của Hợp đồng thế tín dụng ngày 23/11/2010 thì thấy: Các bên cùng xác nhận ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 388, 389, 390, 391, 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện các giao dịch rút tiền, tổng cộng 33.990.000 đồng và khi đến kỳ phải thanh toán số tiền tối thiểu, anh T đã không thanh toán đúng theo thỏa thuận, như vậy anh T phải chịu lãi trên số tiền rút và các khoản phí là: duy trì thẻ thường niên, phí rút tiền, phí vượt hạn mức tín dụng (vượt 3.990.000 đồng), phí trễ hạn theo quy định tại Điều 24 của “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” của Ngân hàng SC Bank.

[2.2]. Xét yêu cầu của Nguyên đơn về đòi trả nợ **tạm tính đến ngày 24/4/2018 là 63.740.143 đồng**, trong đó: Gốc **19.131.561 đồng**, lãi **44.608.582 đồng**, Hội đồng xét xử xem xét cụ thể từng khoản thì thấy:

[2.2.1]. Đối với khoản yêu cầu đòi nợ gốc **19.131.561 đồng**:

Theo bản sao kê thể hiện: Trong thời hạn từ ngày 15/12/2010 đến 15/6/2011 anh T đã rút 33.990.00 đồng; từ ngày 15/01/2011 đến ngày 15/3/2012 đã trả được 26.200.000 đồng (trong đó các kỳ phải thanh toán số tiền tối thiểu, anh T đã không thanh toán đúng theo thỏa thuận). Như vậy, số tiền 26.200.000 đồng sẽ được đối trừ vào các khoản phí 3.355.334 đồng (bao gồm phí trễ hạn 2.121.878 đồng, phí duy trì thẻ và phí rút tiền là 974.000 đồng, phí vượt hạn mức 259.456 đồng), tiền lãi trong hạn từ ngày 15/12/2010 đến ngày 15/5/2012 là 7.986.227 đồng, còn thừa lại **14.858.439 đồng** ($26.200.000 - 3.355.334 - 7.986.227 = 14.858.439$ đồng), số tiền này sẽ được đối trừ vào nợ gốc ($33.990.000$ đồng $- 14.858.439$ đồng); dư nợ gốc của anh T còn lại là **19.131.561 đồng**.

[2.2.2]. Đối với khoản yêu cầu tiền lãi tạm tính đến ngày 24/4/2018 là **44.608.582 đồng**:

Như đã phân tích ở trên, thì từ ngày 16/5/2012 thì anh T không còn nợ các khoản phí, lãi trong hạn, chỉ còn nợ lại khoản gốc **19.131.561 đồng**.

Từ ngày 16/5/2012, anh T đã không giao dịch rút tiền, nhưng cũng không hoàn trả số tiền nợ, nên toàn bộ số tiền nợ gốc 19.131.561 đồng phải chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày 16/5/2012 đến 24/4/2018 là: **19.131.561 đồng** x [(2,15%/tháng x 150%/tháng): 30 ngày] x 2.169 ngày = **44.608.582 đồng**.

Căn cứ Điều 290, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng: Buộc anh T phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng SC Bank số tiền tạm tính đến ngày 24/4/2018 là **63.740.143 đồng**, trong đó: Gốc **19.131.561 đồng**, lãi **44.608.582 đồng**. Anh T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận theo Giấy

đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2010, kể từ ngày 25/4/2018 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong.

[3] .Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Bị đơn anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là 63.740.143 đồng x 5% = **3.187.0000 đồng**.

- Hoàn trả tiền lại cho Ngân hàngSC Bank tiền tạm ứng án phí 1.400.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; khoản1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 và khoản 2 Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ: các Điều 290,474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần TT.

2. Buộc anh Nguyễn Tuấn T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TT số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2010, tạm tính đến ngày 24/4/2018 tổng số tiền là: **63.740.143 đồng**, trong đó: Gốc **19.131.561 đồng, lãi 44.608.582 đồng**.

Anh T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2010, kể từ ngày 25/4/2018 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong.

3. Về án phí:

3.1. Buộc Nguyễn Tuấn T phải nộp **3.187.0000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả lại Ngân hàngSC Bank số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.400.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/20153133 ngày 20/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi Cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai